TÒA ÁN NHÂN D HỆN P **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HS-ST
Ngày 27-5-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN D HỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh T;
Các Hội thẩm nhân D: - Bà V Thị Ngọc P – Nghề nghiệp: Giáo viên;
- Ông Nguyễn Văn H - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí thị trấn Hương Sơn, Hện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Q - Thư ký Tòa án nhân D Hện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D Hện P tham gia phiên tòa*:* Bà Lý Thị T - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân D Hện P, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2022/TLST-HS, ngày 01 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2022, đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: Lâm Quang V - Sinh ngày: 23/6/2004, tại thị xã P(Nay là thành phố P), tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm N, xã T, tại thị xã P(Nay là thành phố P), tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; D tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông: Lâm Văn D – sinh năm: 1981 và bà: Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1980, gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ, con: Chưa có;

- *Tiền án, tiền sự:* Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/11/2021 đến ngày 12/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

2.Họ và tên: Lê Trung B - Sinh ngày: 18/6/2005, tại thị xã P(Nay là thành phố P), tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm V, xã T, tại thị xã P(Nay là thành phố P), tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; D tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông: Lê Văn N - sinh

năm: 1982 và bà: Trần Thị T - Sinh năm: 1984, gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ, con: Chưa có;

- *Tiền án, tiền sự:* Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/11/2021 đến ngày 12/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

3.Họ và tên: Lê Trọng T - Sinh ngày: 02/12/2004, tại thị xã P(Nay là thành phố P), tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm V, xã T, tại thị xã P(Nay là thành phố P), tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: 12/12; D tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông: Lê Văn T - sinh năm: 1985 và bà: Nguyễn Thị V - Sinh năm: 1985, gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ, con: Chưa có;

- *Tiền án, tiền sự:* Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/11/2021 đến ngày 12/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

**. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lâm Quang V:* Ông Nguyễn Văn X - Sinh năm 1961, nơi cư trú: Xóm N, xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, là ông ngoại của bị cáo.

(Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lâm Quang V:* Bà Thiệu Thị T H - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

**. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Trung B:* Chị Trần Thị T - Sinh năm 1984, nơi cư trú: Xóm V, xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, là mẹ của bị cáo.

(Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Trung B:* Ông V Văn C - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

** Người đại diện của bị cáo Lê Trọng T:* Chị Nguyễn Thị V - Sinh năm: 1985, nơi cư trú: Xóm V, xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, là mẹ của bị cáo.

(Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Trọng T:* Ông Nguyễn Văn Đ - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

4.Bị hại:

- Anh Dương Xuân T - Sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Xóm V, xã T, Hện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh Lục Nam K - Sinh năm 2000;

Nơi cư trú: Xóm H, xã L, Hện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh T, anh K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

5.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Triệu Minh D - Sinh năm 2003;

Nơi cư trú: Xóm L, xã V, Hện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 2003;

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, Hện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Trần Thị T, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Xóm V, xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh Phạm Cao H, sinh năm 2002;

Nơi cư trú: TDP Đ, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt anh K, chị T, vắng mặt anh D, anh H tại phiên tòa).

6.Người làm chứng:

- Anh Âu Văn B - Sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Xóm V, xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh Nguyễn T H - Sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Xóm C, xã H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh Nguyễn Kim T - Sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Xóm Chùa, xã Hồng Tiến, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh Lê Văn H - Sinh năm 2003;

Nơi cư trú: Xóm V, xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 10/2021, Lâm Quang V làm công nhân thời vụ tại công ty N, KCN Đ thuộc xóm B, xã Đ, Hện P, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình làm việc tại công ty, V đã nhặt được 01 vé gửi xe máy số 311 của Công ty N rồi cất vào ví. V làm được khoảng 05 ngày thì nghỉ việc nhưng vẫn giữ vé xe đó. Ngày 24/10/2021 Lê Trung B là bạn cùng phòng trọ với V mở ví của V để lấy tiền đi chợ thì thấy chiếc vé gửi xe trên, B hỏi V đây là vé xe gì thì V bảo vé xe nhặt được, B rủ V sẽ sử dụng chiếc vé xe trên vào trong công ty lừa bảo vệ lấy xe mô tô rồi bán lấy tiền tiêu sài thì V đồng ý. Khoảng 12 giờ ngày 26/10/2021, V nhắn tin cho B bảo 20 giờ tối cùng ngày, lợi dụng khi công nhân tan ca đi làm về đông, bảo vệ không quản lý được thì sẽ lấy xe, B đồng ý. Đến khoảng 19 giờ 50 phút cùng ngày, V và B đi bộ vào ngồi ở căng tin của công ty N đợi. Khoảng 10 phút sau, khi công nhân tan ca thì V đi một mình vào nhà xe, V không lấy xe trùng với vé xe số 311 mà lấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, BKS: 20H1 – 590.81 của anh Phạm Cao H, là công nhân của công ty N còn

B ra ngoài cổng công ty đứng đợi, V dắt xe ra cổng và đưa chiếc vé xe số 311 nhặt được cho anh Dương Xuân T, là bảo vệ của Công ty N, anh T cầm vé nhưng không kiểm tra, đối chiếu vé gửi xe và số ghi trên xe, tưởng là xe của V nên anh T để V tiếp tục dắt xe ra ngoài cổng rồi V và B đẩy xe khoảng 50m thì dừng lại, B đã đấu nối rắc điện, nổ máy xe điều khiển trở V về phòng trọ. Sau đó V đã tháo biển số xe BKS: 20H1 – 590.81 rồi đi xe mô tô chiếm đoạt được về nhà cất giấu ở trong bếp nhà V.

Hồi 07 giờ ngày 27/10/2021, anh Phạm Cao H tan ca làm và ra nhà để xe lấy xe đi về thì không tìm thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, BKS: 20H1 – 590.81 của mình đâu. Anh H báo cho bảo vệ của công ty là anh Dương Xuân T, anh T đã thông báo cho công ty N và trình báo Công an giải quyết theo quy định.

Khoảng 14 giờ ngày 27/10/2021, Lâm Quang V đi xe mô tô trên đến quán bi a nhà anh Âu Văn B, thì gặp Lê Trọng T, thấy V đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không biển kiểm soát nên T đã hỏi V về nguồn gốc chiếc xe. V kể cho T việc V và B đã lấy chiếc xe trong công ty N ngày 26/10/2021. Sau đó V nói *"ở công ty KH Vatec dễ lấy hơn, bãi gửi xe tối mà lại không có camera"*, T nói *"thế tối ra thử xem thế nào"*. Khoảng 20 giờ cùng ngày, V cùng T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không biển kiểm soát, dán nilon màu xanh của T vào công ty KH Vatec, KCN Đ thuộc xóm T, xã Đ, Hện P, tỉnh Thái Nguyên gửi xe và lấy vé xe (V và T không nhớ vé xe số bao nhiêu), sau đó V đã chụp ảnh vé xe này với mục đích sẽ làm giả vé xe để vào công ty lấy xe mô tô sau đó lợi dụng thời gian tan ca đông công nhân ra về thì sẽ đưa vé xe giả đó cho bảo vệ để lấy xe mô tô. Sau khi chụp được ảnh, V đã gửi ảnh vé gửi xe đó cho T để T đi in vé xe giả, sau đó V và T lấy xe trả vé bảo vệ rồi ra về.

Khoảng 19 giờ ngày 28/10/2021, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không biển kiểm soát, dán nilon màu xanh của T sang nhà Lê Văn H, rủ H xuống phòng trọ của V và B chơi thì H đồng ý. T điều khiển xe mô tô trở H, khi đến cửa hàng phôtô của anh Nguyễn T H, khi đến nơi T xuống xe một mình đi vào cửa hàng còn H chờ ở ngoài xe. Gặp anh H thì T hỏi*"chú có in màu không?"*, anh H nói *"không! ở đây chú chỉ phô tô đen trắng thôi"* nên T bảo *"thế chú phô tô đên trắng cho cháu",* thì anh H nói *"cứ gửi qua Zalo cho chú"*. T đã gửi ảnh vé gửi xe mà trước đó T và V đã chụp trong công ty KH Vatec cho anh H và bảo anh H phô tô hai vé xe màu đen trắng và ép plastic cho T. H đồng ý rồi phô tô cho T 02 vé xe màu đen trắng, ép plastic đưa cho T. Có được 02 vé gửi xe phô tô, thì T ra xe trở H đến phòng trọ của V và B. Lúc này, V ở phòng trọ đã bảo B cho V mượn xe mô tô của B để khi nào T đến thì V và T sẽ vào trong công ty KH Vatec lấy xe mô tô của công nhân thì B đồng ý. Khoảng 19 giờ 50 phút cùng ngày, T và H đến phòng trọ thì V lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, BKS 20H1-544.66 (Đăng ký xe mang tên Trần Thị T, là mẹ của bị cáo B), của B đèo T vào trong công ty KH Vatec gửi xe và lấy vé xe. Khoảng 20 giờ cùng ngày, khi công nhân tan ca V và T đã ra nhà gửi xe. T đứng canh gác và quan sát còn V lấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen-bạc,

BKS: 20B1-471.83 của anh Triệu Minh D, là công nhân của công ty KH Vatec, sau đó V đấu nối điện nổ máy rồi điều khiển xe ra ngoài cổng, V đưa vé gửi xe mà trước đó V gửi xe của B cho anh Lục Nam K, là bảo vệ của công ty KH Vatec, anh K cầm vé xe, nghĩ là xe của V nên không đối chiếu với số ghi trên xe, V đi xe ra khỏi công ty và dừng ở đường chờ T. Lúc này T cũng lấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, BKS: 20G1-586.73 của anh Nguyễn Văn K, là công nhân của công ty KH Vatec, T dắt xe ra cổng và đưa một vé xe phô tô cho anh K, anh K cầm vé xe phô tô, nghĩ là xe của T nên không đối chiếu với số ghi trên xe, T dắt xe ra khỏi cổng ty và đến chỗ V đang đứng chờ. V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen-bạc, BKS: 20B1-471.83 vừa lấy được và dùng một chân đẩy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, BKS: 20G1-586 mà T vừa lấy được về phòng trọ của V. Về đến phòng trọ B hỏi V *"xe của tao đâu"*, V nói *"xe ở ngoài nhà gửi xe ấy, mai mày vào công ty mà lấy"*, V đã đưa cho B vé gửi xe phô tô màu đen trắng còn lại cho B. Sau đó T đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen-bạc BKS: 20G1-586.73 mà T đã chiếm đoạt được đi về nhà T. V đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen - bạc BKS: 20B1-471.83 mà V chiếm đoạt được đi về nhà V. Trên đường về khi đến đoạn đường bê tông thuộc xóm Đấp 3, xã Đắc Sơn, TX.P, tỉnh Thái Nguyên thì V dừng xe, dùng hai tay cậy cốp xe thì thấy trong cốp xe có một ví giả da màu đen, bên trong có số tiền 230.000 đồng, một căn cước công D số 019203001689 mang tên Triệu Minh D và một thẻ ngân hàng Agribank trên thẻ số 970405109841 và chữ "TRIEU MINH D". V đã lấy số tiền 230.000 đồng còn lại chiếc ví bên trong đựng căn cước và thẻ ngân hàng thì V vứt lại ở lề đường. Sau đó V điều khiển xe mô tô đi về tháo biển số và cất vào bếp nhà V. Khoảng 08 giờ ngày 29/10/2021, B một mình vào trong công ty KH Vatec lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, BKS 20H1-544.66 của B đi ra cổng bảo vệ và đưa cho bảo vệ vé gửi xe phô tô đen trắng mà V đã đưa cho, thấy bảo vệ cầm vé nhưng không nói gì thì B điều khiển xe đi về. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T dùng hai tay cậy cốp xe mà T chiếm đoạt được thấy trong cốp xe có số tiền 90.000 đồng và một đăng ký xe mô tô số 002875 mang tên Nguyễn Văn K. T lấy số tiền 90.000 đồng tiêu sài hết còn đăng ký xe T cất vào tủ nhà T.

Khoảng 07 giờ 20 phút ngày 29/10/2021, anh Nguyễn Văn K và anh Triệu Minh D tan ca làm và ra nhà để xe lấy xe thì không tìm thấy xe đâu nên đã báo cho bảo vệ của công ty là anh Lục Nam K, sau đó anh K đã thông báo cho công ty và hướng dẫn anh K và anh D làm đơn trình báo Cơ quan Công an giải quyết theo quy định.

Ngày 30/11/2021, T mang chiếc xe mà T chiếm đoạt được ngày 28/10/2021 và V đã mang chiếc xe chiếm đoạt được ngày 26/10/2021 đến cửa hàng độ - dán xe mô tô T SG của anh Nguyễn Kim T, dán màu trắng xám để tránh bị phát hiện rồi dùng làm phương tiện đi lại.

Ngày 02/11/2021, anh Nguyễn Anh V (Sinh năm: 1989, trú tại: xóm T, xã B, TP.S, tỉnh Thái Nguyên), là đội trưởng đội bảo vệ của công ty N, KCN Đ làm đơn trình báo đến cơ quan điều tra Công an Hện P về sự việc mất xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, BKS: 20H1 - 590.81 ngày 26/10/2021 tại công ty N. Quá trình làm việc, anh Nguyễn Anh V cung cấp cho cơ quan điều tra hình ảnh từ camera an ninh của công ty về đối tượng đã lấy chiếc xe mô tô trên. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng và hai đối tượng có đặc điểm như hình ảnh từ camera an ninh của công ty.

Khoảng 14 giờ ngày 02/11/2021, V điều khiển xe mô tô chiếm đoạt được ngày 26/10/2021, T điều khiển xe mô tô chiếm đoạt được ngày 28/10/2021 đến nhà ông Âu Văn B, T nói với ông B *"cho cháu để nhờ xe ở đây, cháu đi tí cháu về"*, do quen biết T từ trước nên ông B đã đồng ý cho T và V gửi lại hai chiếc mô tô trên. Sau đó, T đã lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không biển kiểm soát, dán nilon màu xanh của T gửi nhà B từ trước đó trở V ra khu công nghiệp Đ thì bị tổ công tác Công an Hện P kiểm tra phát hiện, tổ công tác đã tạm giữ xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không biển kiểm soát, số máy JA39E053820, số khung Y563038, dán nilon màu xanh và đưa V và T về trụ sở làm việc để điều tra làm rõ.

Ngày 02/11/2021, ông Âu Văn B đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an Hện P: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, dán nilon màu trắng xám, BKS: 20G-586.73 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, dán nilon màu trắng xám, không lắp biển kiểm soát.

Ngày 02/11/2021, tại khu vực bếp nhà Lâm Quang V, Cơ quan CSĐT Công an Hện P đã thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, không gắn BKS, số máy: JA39E2383477, số khung: Y263150, cũ đã qua sử dụng; 01 biển số xe số 20B2-471.83 và 01 (một) biển số xe số 20H1-590.81.

Ngày 03/11/2021, chị Nguyễn Thị V, là mẹ của Lê Trọng T đã giao nộp cho Công an xã T, TX.P, tỉnh Thái Nguyên 01 (một) đăng ký xe số 002875, mang tên chủ xe là Nguyễn Văn K, trú tại: xóm T, xã T, Hện P, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 05/11/2021, Lê Trung B đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hện P đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 08/12/2021, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng và thu giữ được 01 (một) ví giả da màu đen, bên trong một căn cước công D số 019203001689 mang tên Triệu Minh D và một thẻ ngân hàng Agribank trên thẻ số 970405109841 và chữ "TRIEU MINH D" tại khu vực rìa đường bê tông thuộc xóm Đ, xã Đ, TX P, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 21/12/2021, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra, rà soát trong kho vé của công ty KH Vatec nhưng không phát hiện 02 vé gửi xe phô tô đen trắng và ép plastic mà T đã dùng để thực hiện hành vi phạm tội ngày 28/10/2021.

Ngày 21/12/2021, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng trong kho vé của công ty N nhưng không tìm thấy vé gửi xe số 311 mà V và B đã dùng để thực hiện hành vi phạm tội ngày 26/10/2021.

Ngày 04/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an Hện P ra Yêu cầu định giá tài sản số 107/CSHS, định giá tài sản gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen bạc, BKS 20H1-590.81; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen bạc, BKS 20B2-471.83; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc, BKS 20G1-586.73; 01 (một) ví giả da màu đen, mua tháng 10/2021.

Tại kết luận định giá tài sản số 95/KL-HĐĐGTS ngày 08/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản Hện P, kết luận giá trị của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen bạc, BKS 20H1-590.81 là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng); giá trị của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen bạc, BKS 20B2-471.83 là 17.000.000 đồng (mười bẩy triệu đồng); giá trị của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc, BKS 20G1-586.73 là 14.000.000 đồng (mười B triệu đồng); giá trị ví giả da nam, dạng ví gấp là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), tổng giá trị tài sản là 46.100.000 đồng (B mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng).

Ngày 25/12/2021, Lê Trọng T đã tự nguyện trả lại số tiền 90.000 đồng cho anh Nguyễn Văn K, Lâm Quang V đã tự nguyện trả lại số tiền 230.000 đồng cho anh Triệu Minh D.

Tại cơ quan Điều tra, các bị cáo Lâm Quang V, Lê Trung B và Lê Trọng T đã khai nhận rõ T bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSPB, ngày 29-3-2022 của Viện kiểm sát nhân D Hện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Lâm Quang V, Lê Trung B và Lê Trọng T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 174 của BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Lâm Quang V, Lê Trung B và Lê Trọng T đã thành khẩn khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá khách quan, T diện, đầy đủ những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố thể hiện qua bản Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Lâm Quang V, Lê Trung B và Lê Trọng T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58, 91, 98, 101 và Điều 65 của BLHS, xử phạt bị cáo Lâm Quang V từ 15 - 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 30 - 36 tháng.

+ Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58, 91, 98, 101 và Điều 65 của BLHS, xử phạt bị cáo Lê Trung B từ 12 - 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 24 - 30 tháng;

+ Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 17, 58, 91, 98, 101 và Điều 65 của BLHS, xử phạt bị cáo Lê Trọng T từ 09 - 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 - 24 tháng;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Không đặt ra xem xét, giải quyết tiếp.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu một khoản án phí sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình, thừa nhận việc truy tố là không oan, đúng người, đúng tội.

Người bào chữa cho các bị cáo có ý kiến bào chữa được tóm tắt như sau:

- Những người bào chữa cho các bị cáo đều nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân D Hện P và điều luật áp dụng đối với các bị cáo, xác định việc truy tố, xét xử đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt tù và cho các bị cáo đều được hưởng án treo để cho các bị cáo có cơ hội tiếp tục được đi học và làm việc.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Trung B (Ông V Văn C) còn có ý kiến bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo B được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: "…phạm tội gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo đều nhất trí có ý kiến bào chữa nêu trên không bổ sung gì thêm.

Qua đối đáp, đại diện Viện kiểm sát đã có ý kiến căn cứ quy định của pháp luật và thực tiễn xét xử, xác định không có căn cứ chấp nhận về đề nghị nêu trên của người bào chữa cho bị cáo Lê Trung B.

Người bào chữa, người đại diện hợp pháp của các bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, tranh luận, đối đáp gì thêm.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đều có ý kiến nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Hện P, tỉnh Thái Nguyên; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân D Hện P, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn T khách quan, tự nguyện nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, vì đã phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng tháng 10/2021, trong quá trình làm việc tại công ty N, KCN Đ, bị cáo Lâm Quang V đã nhặt được 01 vé xe số 311 của Công ty, nên các bị cáo Lâm Quang V và Lê Trung B đã bàn bạc, thống nhất sử dụng chiếc vé này vào trong Công ty lừa bảo vệ lấy xe mô tô bán lấy tiền tiêu sài. Khoảng 20 giờ ngày 26/10/2021 bị cáo V đã vào nhà để xe của Công ty dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen bạc, BKS 20H1-590.81 (Thuộc quyền sở hữu của anh Phan Cao H) và sử dụng chiếc vé gửi xe nêu trên (vé số 311) đưa cho anh Dương Xuân T là bảo vệ của công ty, anh T tin tưởng đây đúng là vé xe chiếc xe mô tô của V nên đồng ý cho V dắt xe ra khỏi công ty và cùng bị cáo B đưa chiếc xe mô tô trên về phòng trọ của V, qua định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 20H1-590.81 có trị giá là 15.000.000 đồng.

Khoảng 20 giờ ngày 27/10/2021, các bị cáo Lê Trọng T và Lâm Quang V tiếp tục vào công ty KH Vatec gửi xe và lấy vé xe, V chụp ảnh vé xe này gửi cho T, sau đó, bị cáo T ra quán phô tô hình ảnh vé gửi xe mà V đã gửi cho thành 02 vé gửi xe màu đen trắng, ép plastic. Tại phòng trọ, V bảo với B cho mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, BKS 20H1-544.66 của B để V và T vào công ty KH Vatec lấy xe mô tô của công nhân thì B đồng ý. Sau đó, bị cáo T và V sử dụng xe mô tô mượn được của B vào công ty KH Vatec và dùng 02 vé xe đã phô tô và ép plastic nêu trên lừa anh Lục Nam K là bảo vệ của công ty để chiếm đoạt được chiếc xe mô tô Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc, BKS 20B1-471.83 (Thuộc quyền sở hữu của anh Triệu Minh D) trị giá là 17.000.000 đồng, trong cốp xe còn có 01 ví giả da nam, dạng ví gấp trị giá 100.000 đồng; số tiền 230.000 đồng và xe mô tô Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc, BKS 20G1-586.73 (Thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn K) trị giá là 14.000.000 đồng, trong cốp xe số tiền 90.000 đồng. Số tiền nêu trên, bị cáo V và T đã tiêu sài cá nhân hết.

Xét thấy, các bị cáo Lâm Quang V, Lê Trung B và Lê Trọng T là người có đầy đủ năng lực hành vi D sự và có trình độ văn hóa nhất định, nên buộc phải nhận thức và biết được hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản là 03 chiếc xe mô tô và một số tài sản khác thuộc quyền chiếm hữu của các bị hại có tổng giá trị như đã

nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của BLHS. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân D Hện P truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật viện dẫn trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật quy định như sau:

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. "Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng … thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức độ của tội phạm là ít nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an T xã hội tại địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự nhằm tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đây là vụ án hình sự: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" do các bị cáo Lâm Quang V, Lê Trung B và Lê Trọng T cùng thực hiện với hình thức đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo Lâm Quang V là người nhặt được vé xe do Công ty New OneVina phát hành và cùng bị cáo Lê Trung B là người khởi xướng việc phạm tội, các bị cáo trong vụ án đều là những người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội của mình. Bị cáo V là người trực tiếp thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản ngày 26, 28/10/2021, bị cáo T cùng bị cáo V trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản ngày 28/10/2021, đối với bị cáo B ngoài cùng bị cáo V thực hiện hành vi phạm tội ngày 26/10/2021, còn có hành vi giúp sức cho các bị cáo V thực hiện hành vi phạm tội ngày 28/10/2021 (*Cho các bị cáo V, T mượn xe mô tô vào trong công ty KH Vatec để lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô*). Do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét lên một mức án phù hợp với nhân thân, vai trò, tính chất, mức độ phạm tội do từng bị cáo gây ra.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Các bị cáo Lâm Quang V và Lê Trọng T sau khi vụ việc bị phát hiện các bị cáo V và T đã tự nguyện bồi thường cho anh D và anh K số tiền đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả nên các bị cáo V, T còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo Lê Trọng T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo T còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS; bị cáo B sau khi vụ việc bị phát hiện đã tự nguyện đến cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình, các bị hại và đương sự trong vụ án đều có đơn

đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù và cho bị cáo B được cải tại tại địa phương, nên bị cáo B được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Ngoài ra, các bị hại và đương sự trong vụ án cũng có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt tù và cho bị cáo V, bị cáo T được cải tạo tại địa phương, nên bị cáo V, bị cáo T cũng đều được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lâm Quang V và Lê Trung B phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là: "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Bị cáo Lê Trọng T không phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Xét thấy nhân thân và hoàn cảnh gia đình, thấy các bị cáo Lâm Quang V, Lê Trung B và Lê Trọng T đều chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, khai báo thành khẩn, là người D tộc thiểu số, phạm tội do nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nhất thời phạm tội, khi phạm tội đều ở tuổi vị thành niên (Dưới 18 tuổi), bị cáo Lê Trọng T còn đang là học sinh lớp 12, hơn nữa các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS. Hội đồng xét xử thấy, có căn cứ chấp nhận nguyện vọng của các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho các bị cáo và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không cần thiết phải cách ly xã hội đối với các bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương để cho các bị cáo có điều kiện tiếp tục đi học và làm việc và cũng cho các bị cáo thấy được sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của BLHS thì người phạm tội còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, đến thời điểm phạm tội, các bị cáo chưa đủ 18 tuổi, theo quy định tại khoản 6 Điều 91 BLHS, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5].Về thiệt hại và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

- Các bị cáo đã có hành vi lừa đảo, chiếm đoạt 03 chiếc xe mô tô và một số tài sản khác (tiền, ví da) thuộc quyền chiếm hữu của anh Dương Xuân T và Lê Nam K là bảo vệ các Công ty N và Công ty KH V (*03 chiếc xe mô tô này thuộc quyền sở hữu của anh Phạm Cao H, Triệu Minh D và Nguyễn Văn K quá trình làm việc tại các Công ty này đã gửi các xe mô tô cho anh T, anh Nam trông coi, bảo quản theo nội quy Công ty).* Sau khi vụ, việc bị phát hiện, cơ quan điều tra đã thu hồi lại được các chiếc xe mô tô trên trả các chủ sở hữu quản lý sử dụng, đối với các tài sản khác (Tiền, ví da) thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn K và Triệu Minh D đã được các bị cáo T, V trả lại đầy đủ. Nay, các bị hại (Anh T, anh K) và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì thêm đối với các bị cáo, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết tiếp.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội, ý kiến đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo, ý kiến của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng và biện pháp chấp hành hình phạt tù là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[7] Đối với hành vi của Lê Trọng T sử dụng hình ảnh chụp vé gửi xe của công ty KH V sau đó photo thành 02 vé xe đen trắng ép plastic, T và V đã sử dụng vé xe photo lừa anh Lục Nam K là bảo vệ của công ty để chiếm đoạt xe mô tô của công nhân trong công ty KH V. Quá trình điều tra chưa thu giữ được 02 vé xe trên nên CQĐT sẽ tiếp tục xác minh về hành vi "Làm giả, sử dụng tài liệu của cơ quan tổ chức", khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với anh Nguyễn T H đã phô tô 02 vé xe màu đen trắng rồi ép palastic cho T, anh H không biết mục đích T sử dụng 02 vé xe photo để đi chiếm đoạt tài sản nên không có căn cứ xử lý đối với anh H là phù hợp.

- Đối với Lê Văn H đã đi cùng T đến quán phô tô của anh Nguyễn T H, T vào quán phô tô còn H đứng chờ ngoài xe, H không biết T vào quán phô tô làm gì, khi đến phòng trọ của V và B thì H cũng không biết T và V dùng xe của B đi đâu, làm gì, do đó không có căn cứ xử lý đối với H.

- Đối với ông Âu Văn B, khi T và V đến gửi xe tại nhà ông B thì ông B không biết đây là xe do T và V phạm tội mà có nên cơ quan không có căn cứ xử lý đối với ông B.

- Đối với anh Nguyễn Kim T, khi V và T vào để dán xe thì anh T không biết mục đích V và T dán xe nên không có căn cứ xử lý đối với anh T.

- Đối với chị Trần Thị T (mẹ của B), chị T cho B mượn xe dùng làm phương tiện đi làm, chị T không biết việc B đã sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu xanh, BKS: 20H1-544.66 của chị T để cho V và T mượn đi chiếm đoạt xe mô tô trong công ty KH Vatec, do vậy, không có căn cứ xử lý đối với chị T.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu một khoản án phí sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho các bị cáo, các bị hại (Anh anh Dương Xuân T, anh Lê Nam K), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Anh Phạm Cao H, anh Triệu Minh D và anh Nguyễn Văn K) được quyền kháng cáo bản án này trong hạn Luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58, 91, 98, 101 và Điều 65 của BLHS đối với bị cáo Lâm Quang V.

- Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58, 91, 98, 101 và Điều 65 của BLHS đối với bị cáo Lê Trung B.

- Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58, 91, 98, 101 và Điều 65 của BLHS đối với bị cáo Lê Trọng T.

- Điều 123, 136, 33 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lâm Quang V, Lê Trung B và Lê Trọng T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt:

- Bị cáo Lâm Quang V **15** (Mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Trung B **12** (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi B) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Trọng T **09** (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lâm Quang V, Lê Trung B và Lê Trọng T cho UBND xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên theo dõi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

3. Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Lâm Quang V, Lê Trung B và Lê Trọng T, buộc các bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 27 tháng 5 năm 2022 cho đến khi các bị cáo đi chấp hành án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định khoản 5 Điều 174 của BLHS.

5. Về bồi thường thiệt hại: Không đặt ra xem xét giải quyết tiếp.

6.Về án phí: Buộc các bị cáo Lâm Quang V, Lê Trung B và Lê Trọng T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo:

- Các bị cáo, người người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Các bị hại (Anh Dương Xuân T, anh Lục Nam K), có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Anh Nguyễn Văn K) có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Anh Phạm Cao H, anh Triệu Minh D) có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Thái nguyên;
- VKSND, THADS Hện P;
- Công an Hện P;
- Các bị cáo, bị hại;
- Người bào chữa;
- Người CQLNVLQ đến vụ án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh T